

Bản án số: 22/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 19-5-2020;

“V/v tranh chấp: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quản Văn Tiến.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Mai;**
Ông **Nguyễn Gia Phúc.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội: Bà **Phạm Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/3/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXX-ST ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị A**, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: Phòng 305 tầng 3 - Số 23 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Duy B**, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Phòng 305 tầng 3 - Số 23 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội;

Anh B vắng mặt - đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn ly hôn, các văn bản trình bày tiếp theo, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Chị Nguyễn Thị A trình bày:

- **Tình cảm:** Chị và anh Nguyễn Duy B kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội ngày 24/10/2003.

Sau khi kết hôn anh chị cư trú tại phường Yên Hòa đến năm 2010 thì chuyển về cư trú tại Phòng 305 tầng 3 - Số 23 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, không có sự cảm thông, chia sẻ, cuộc sống chung không được hạnh phúc; Năm 2010 anh B bị truy tố; đến tháng 02/2011 anh B bỏ trốn,

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 05/8/2004. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung (động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu, ly hôn, xin nuôi con, chị không có yêu cầu nào khác.

** Tại bản ghi ý kiến - anh Nguyễn Duy B trình bày:*

- Tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Sau khi kết hôn anh chị cư trú tại phường Yên Hòa đến năm 2010 thì chuyển về cư trú tại Phòng 305 tầng 3 - Số 23 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị A xin ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Con chung: Anh và chị A có 01 con chung là Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 05/8/2004. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, anh đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung (động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

* Chị A có mặt; chị vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Đơn ly hôn và các văn bản tại Tòa, cụ thể:

- Tình cảm: Chị xin ly hôn anh B.

- Con chung: Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung (động sản, bất động sản): Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị xác nhận anh chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

* Anh B vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh B có đăng ký thường trú tại phường Láng Hạ, chị A có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Duy B. Con chung: Xác nhận chị A, anh B có 01 con chung; Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B; Tài sản chung: Chị A, anh B đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Án phí: Chị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Thẩm quyền: Anh B có đăng ký thường trú tại phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Anh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Duy B kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2003 tại UBND phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình, hôn nhân giữa chị A và anh B là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự trong vụ án thấy: Chị A và anh B đều thừa nhận quá trình chung sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, năm 2010 anh B có hành vi vi phạm pháp luật, bị khởi tố; đến tháng 02/2011 anh B bỏ trốn, ngày 26/3/2020 anh B bị bắt theo Quyết định truy nã và hiện đang bị tạm giam; Đến nay cả chị A, anh B đều

xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị A xin ly hôn, anh B đồng ý, anh, chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: vợ chồng có nghĩa vụ A yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; anh chị sống ly thân từ năm 2011 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

2.2. Con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị A và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 05/8/2004. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; anh B đồng ý, anh xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Ý kiến của chị A, anh B là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của anh chị, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trẻ. Từ năm 2011 đến nay cháu C do chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; Yêu cầu của chị A là phù hợp pháp luật, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của anh chị, nên chấp nhận; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B.

2.3. Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị A, anh B đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Nợ chung: Chị A, anh B đều xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không xét.

2.5. Án phí: Chị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2.6. Chị A, anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 71, Điều 72, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 9, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Duy B.

2. Con chung: Xác nhận chị A và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hà C (nữ), sinh ngày 05/8/2004. Giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm

hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị A có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. **Tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. **Nợ chung**: Chị A, anh B xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. **Về án phí**: Chị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014072 ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Văn Tiến